

BỘ NỘI VỤ

**QUYẾT ĐỊNH của Bộ trưởng Bộ Nội vụ
số 25/2003/QĐ-BNV ngày 10/6/2003
về việc cho phép thành lập Hội
các Phòng thử nghiệm Việt Nam.**

BỘ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ

*Căn cứ Sắc lệnh số 102/SL-L004 ngày 20/5/1957
quy định về quyền lập Hội;*

*Căn cứ Nghị định số 45/2003/NĐ-CP ngày 09
tháng 5 năm 2003 của Chính phủ, quy định chức
năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của
Bộ Nội vụ;*

*Xét đề nghị của Ban vận động thành lập Hội
các Phòng thử nghiệm Việt Nam, Bộ Khoa học và
Công nghệ và Vụ Tổ chức phi Chính phủ,*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép thành lập Hội các Phòng thử nghiệm Việt Nam.

Điều 2. Hội các Phòng thử nghiệm Việt Nam, tổ chức, hoạt động theo Điều lệ Hội được Bộ trưởng Bộ Nội vụ phê duyệt và chịu sự quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.

Hội các Phòng thử nghiệm Việt Nam tự lo liệu kinh phí và phương tiện hoạt động.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo. Chủ tịch Hội các Phòng thử nghiệm Việt Nam, Vụ trưởng Vụ Tổ chức phi Chính phủ và Chánh Văn phòng Bộ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Bộ trưởng Bộ Nội vụ

ĐỖ QUANG TRUNG

**QUYẾT ĐỊNH của Bộ trưởng Bộ Nội vụ
số 26/2003/QĐ-BNV ngày 10/6/2003
về việc phê duyệt bản Điều lệ
(sửa đổi) của Hội Dược học Việt
Nam.**

BỘ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ

*Căn cứ Sắc lệnh số 102/SL-L004 ngày 20/5/1957
quy định về quyền lập Hội;*

*Căn cứ Nghị định số 45/2003/NĐ-CP ngày 09
tháng 5 năm 2003 của Chính phủ quy định chức
năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của
Bộ Nội vụ;*

*Xét đề nghị của Chủ tịch Hội Dược học Việt
Nam và Vụ trưởng Vụ Tổ chức phi Chính phủ,*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt bản Điều lệ (sửa đổi) của Hội Dược học Việt Nam đã được Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ IX ngày 22 tháng 02 năm 2003 thông qua.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Điều 3. Chủ tịch Hội Dược học Việt Nam, Vụ trưởng Vụ Tổ chức phi Chính phủ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. Bộ trưởng Bộ Nội vụ
Thủ trưởng

ĐẶNG QUỐC TIẾN

ĐIỀU LỆ HỘI DƯỢC HỌC VIỆT NAM

Chương I

TÊN HỘI, TÔN CHỈ, MỤC ĐÍCH

Điều 1. Hội lấy tên là Hội Dược học Việt Nam

Tên giao dịch quốc tế: Vietnamese Pharmaceutical Association viết tắt là VPA

Điều 2. Hội Dược học Việt Nam là một tổ chức xã hội nghề nghiệp tự nguyện của dược sĩ Việt Nam và cán bộ khoa học kỹ thuật hoạt động trong các lĩnh vực dược Việt Nam. Nhằm cùng nhau đoàn kết, học tập, trau dồi kinh nghiệm, đạo đức và nghiên cứu để phát huy tác dụng nghề nghiệp, góp phần vào việc xây dựng và phát triển ngành dược trên cơ sở một nền y học Việt Nam.

Điều 3. Hội Dược học Việt Nam tổ chức theo nguyên tắc dân chủ, tập trung, hoạt động dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam và quản lý của Nhà nước. Hội là thành viên Liên hiệp các Hội khoa học kỹ thuật Việt Nam.

Điều 4. Hội Dược học Việt Nam hoạt động trong phạm vi cả nước, Hội có tư cách pháp nhân, có biểu tượng, con dấu, cơ quan ngôn luận riêng và tài khoản tại ngân hàng, Hội đặt trụ sở tại Thủ đô Hà Nội.

Chương II

NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN CỦA HỘI

Điều 5. Hội Dược học Việt Nam có nhiệm vụ:

1. Tập hợp đoàn kết hội viên, giúp đỡ nhau nâng cao trình độ khoa học kỹ thuật nghiệp vụ trong lĩnh vực dược;

2. Giữ gìn, bảo vệ lương tâm và đạo đức nghề

nghiệp. Tự quản trong việc tuân thủ mọi quy định của luật pháp và của Nhà nước trong phạm vi thực hành nghề nghiệp;

3. Tham gia đóng góp ý kiến vào chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước liên quan đến việc chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân, chiến lược phát triển ngành dược và việc hành nghề của dược sĩ;

4. Tư vấn, phản biện và giám định xã hội đối với các dự án phát triển kinh tế - xã hội của Nhà nước có liên quan đến lĩnh vực dược khi có yêu cầu;

5. Góp phần vào công tác nghiên cứu khoa học và công tác bồi dưỡng chuyên môn kỹ thuật, nhằm không ngừng nâng cao kiến thức và tay nghề cho hội viên;

6. Hợp tác và trao đổi kinh nghiệm với các Hội chuyên môn và nghề nghiệp trong và ngoài nước có liên quan đến lĩnh vực dược. Không ngừng phấn đấu xây dựng ngành dược Việt Nam vững mạnh ngang tầm với khu vực và thế giới, đáp ứng yêu cầu cho sự nghiệp chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân;

7. Bảo vệ danh dự, quyền hạn và lợi ích chính đáng của các hội viên phù hợp với pháp luật hiện hành;

8. Hợp tác và đoàn kết chặt chẽ với tất cả các Hội về y tế và y học.

Điều 6. Quyền hạn:

1. Đại diện cho các tổ chức thành viên và hội viên trong các hoạt động có liên quan đến tôn chỉ, mục đích và nhiệm vụ của Hội Dược học Việt Nam;

2. Triển khai các đề tài nghiên cứu khoa học, cung cấp dịch vụ với các tổ chức hay cá nhân có nhu cầu, theo quy định của pháp luật.

3. Bảo trợ cho các hội viên triển khai các hoạt

động nghiên cứu khoa học, tham gia đánh giá các công trình nghiên cứu khoa học, dự án thuộc lĩnh vực dược;

4. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng các chương trình, dự án để kiến nghị với các cơ quan quản lý nhà nước những giải pháp nhằm phát triển chuyên ngành dược;

5. Xuất bản, sách, tạp chí của Hội theo quy định của pháp luật để bồi dưỡng nâng cao kiến thức, cập nhật thông tin, trau dồi đạo đức nghề nghiệp.

6. Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng kiến thức nâng cao trình độ chuyên môn và cung cấp thông tin về lĩnh vực dược cho hội viên;

7. Phát triển Hội đúng với yêu cầu của nghề nghiệp trong phạm vi luật pháp;

8. Được gia nhập làm thành viên của Hội Khoa học kỹ thuật về nghề nghiệp y dược trong khu vực và thế giới theo quy định của pháp luật.

Chương III

HỘI VIÊN

Điều 7. Hội viên của Hội:

1. Được sĩ đại học và trung học đã và đang hoạt động trong mọi lĩnh vực của ngành dược Việt Nam;

2. Được sĩ dược cấp chứng chỉ hành nghề dược tư nhân, theo quy định của pháp luật;

3. Những cán bộ khoa học kỹ thuật thuộc các lĩnh vực đã và đang hoạt động trong ngành dược.

Điều 8. Các hình thức hội viên:

1. Hội viên chính thức: là dược sĩ Việt Nam hoặc cán bộ khoa học kỹ thuật Việt Nam hoạt động trong lĩnh vực nghiên cứu, giảng dạy, quản

lý có liên quan đến lĩnh vực dược và sản xuất, kinh doanh dược tán thành Điều lệ Hội tự nguyện làm đơn xin gia nhập.

2. Hội viên tán trợ: là người Việt Nam ở trong hoặc ngoài nước, không phân biệt tuổi tác, ngành nghề, có sự đóng góp tích cực về tinh thần cũng như về vật chất vào sự nghiệp phát triển ngành dược Việt Nam.

3. Hội viên tán trợ không được tham gia ứng cử, đề cử vào Ban lãnh đạo Hội và biểu quyết các vấn đề của Hội.

Điều 9. Nhiệm vụ của hội viên:

1. Chấp hành Điều lệ, tôn chỉ mục đích Hội. Bảo vệ danh dự và lợi ích hợp pháp của Hội;

2. Tuân thủ mọi quy định của Nhà nước về công tác dược;

3. Không ngừng nâng cao trình độ, khả năng về mọi mặt, góp phần xây dựng Hội, ngành dược và ngành y tế Việt Nam;

4. Giữ vững và đề cao đạo đức nghề nghiệp;

5. Sinh hoạt trong một tổ chức cơ sở của Hội, thực hiện tốt các chủ trương, nghị quyết, kế hoạch hoạt động của Hội;

6. Đoàn kết tương trợ hợp tác giữa các hội viên và tổ chức Hội, giữa hội viên với cán bộ y dược thuộc ngành nghề khác;

7. Tham gia sinh hoạt và đóng hội phí đầy đủ.

Điều 10. Quyền lợi của hội viên:

1. Tham gia thảo luận, biểu quyết mọi công việc của Hội, được ứng cử, đề cử và tham gia bầu Ban chấp hành Hội;

2. Được bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ; được tạo điều kiện để phát huy khả năng về mọi mặt có liên quan đến nghề nghiệp; được giúp đỡ khi khó khăn, hoạn nạn, thăm hỏi lúc ốm đau, chúc thọ khi tuổi cao, phúng viếng khi qua đời;

3. Được Hội bảo trợ, tạo điều kiện để thực hiện công tác nghiên cứu khoa học và báo cáo, giới thiệu, đăng tải các kết quả, thông tin về nghiên cứu trên các tạp chí, cũng như bảo vệ quyền tác giả, quyền sáng tác;

4. Được Hội bảo vệ những quyền lợi hợp pháp chính đáng trong hoạt động nghề nghiệp;

5. Được hưởng mọi quyền lợi khác do Hội quy định;

6. Được ra khỏi Hội.

Chương IV

TỔ CHỨC CỦA HỘI

Điều 11. Nguyên tắc tổ chức

Hội Dược học Việt Nam tổ chức theo nguyên tắc tập trung dân chủ, tự nguyện, tự quản, tự trang trải về tài chính.

Điều 12. Hội Dược học Việt Nam được tổ chức:

- a) Ở Trung ương: Hội Dược học Việt Nam.
- b) Ở các tỉnh và thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là tỉnh): Hội Dược học Tỉnh.

Việc thành lập Hội ở tỉnh do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định. Nếu Hội ở tỉnh tán thành Điều lệ Hội Dược học Việt Nam, xin gia nhập sẽ được công nhận là Hội thành viên.

c) Ở cơ sở: Tùy theo tình hình thực tế, ở cơ sở có từ 5 Hội viên trở lên được thành lập liên chi hội hoặc chi hội cơ quan, viện, trường, doanh nghiệp và chi hội các dược sĩ hành nghề tư.

Điều 13. Cơ quan lãnh đạo cao nhất của Hội là Đại hội đại biểu toàn quốc, nhiệm kỳ 5 năm. Đại hội bất thường được triệu tập khi có trên 1/2 số ủy viên Ban chấp hành Trung ương Hội yêu cầu.

Thành phần, số lượng đại biểu dự đại hội do Ban chấp hành đương nhiệm của Trung ương Hội quy định.

Nhiệm vụ của Đại hội:

- Tổng kết, đánh giá hoạt động của Hội trong nhiệm kỳ đã qua, bàn phương hướng, kế hoạch hành động của nhiệm kỳ mới.

- Thông qua, sửa đổi Điều lệ (nếu có).

- Bầu Ban Chấp hành và Ban kiểm tra Trung ương Hội.

- Quyết định những vấn đề quan trọng về tôn chỉ mục đích, nhiệm vụ, quyền hạn của Hội.

Điều 14. Ban chấp hành Trung ương Hội là cơ quan lãnh đạo giữa hai nhiệm kỳ đại hội. Số lượng ủy viên Ban chấp hành Trung ương Hội do Đại hội ấn định và trực tiếp bầu.

Ban chấp hành có nhiệm vụ:

- Lãnh đạo thực hiện Nghị quyết của Đại hội.
- Lãnh đạo thực hiện Điều lệ của Hội.
- Phát triển mối quan hệ với các tổ chức trong và ngoài nước, góp phần phát triển Hội.
- Bầu Ban thường vụ Trung ương Hội và Chủ tịch, các Phó chủ tịch, Tổng thư ký.
- Ban chấp hành Trung ương Hội họp định kỳ 6 tháng 1 lần (trừ trường hợp đột xuất).

Điều 15. Cơ quan thường trực của Ban chấp hành Trung ương Hội là Ban thường vụ, gồm có Chủ tịch, các Phó chủ tịch, Tổng thư ký, Phó Tổng thư ký và một số ủy viên, số lượng Ban Thường vụ không quá 1/3 tổng số ủy viên Ban chấp hành Trung ương Hội.

Ban Thường vụ Hội có nhiệm vụ:

- Lãnh đạo thực hiện các quyết định của Ban

chấp hành Trung ương Hội giữa hai kỳ họp của Ban chấp hành,

- Cấp thẻ hội viên,
- Lập kế hoạch, báo cáo hoạt động của Hội theo quy định của Ban chấp hành Trung ương Hội,
- Theo dõi hoạt động của các Hội cấp tỉnh và các Tiểu ban chuyên môn,
- Ban Thường vụ họp định kỳ 3 tháng 1 lần. Khi cần thiết theo đề nghị của Chủ tịch và Tổng thư ký, Ban thường vụ có thể triệu tập họp bất thường.

Điều 16. Chủ tịch Hội do Ban chấp hành Trung ương Hội bầu ra trong số các ủy viên thường vụ, chủ trì các cuộc họp của Ban chấp hành Trung ương Hội và Ban thường vụ Hội, điều hành việc triển khai các Nghị quyết của Ban chấp hành Trung ương Hội và Ban thường vụ, bổ nhiệm trưởng ban chuyên môn. Chánh văn phòng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi hoạt động của Hội.

Điều 17. Phó chủ tịch do Ban chấp hành Trung ương Hội bầu ra, được Chủ tịch Hội phân công lãnh đạo từng mặt hoạt động của Hội.

Điều 18. Tổng thư ký do Ban chấp hành Trung ương Hội bầu ra, nhiệm vụ do Chủ tịch phân công và điều hành mọi hoạt động văn phòng Trung ương Hội.

Điều 19. Ban kiểm tra:

Ban chấp hành bầu ra ban kiểm tra, Ban kiểm tra có nhiệm vụ:

- Kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết của đại hội, Điều lệ, Quy chế và chương trình công tác hàng năm của Hội.
- Kiểm tra Hội viên trong các hoạt động để biểu dương khen thưởng, đồng thời phát hiện khi có dấu hiệu vi phạm pháp luật để kịp thời chấn chỉnh.

- Kiểm tra các hoạt động kinh tế, tài chính của Hội và các tổ chức trực thuộc Hội; xem xét và giải quyết các đơn thư khiếu tố.

Điều 20. Khi cần thiết Ban Thường vụ Hội có thể xem xét và quyết định thành lập các Ban chuyên môn, các tổ chức kinh tế, dịch vụ để (sau đây gọi chung là tổ chức) tạo nguồn tài chính và phục vụ cho công tác phát triển Hội. Việc thành lập các tổ chức theo quy định của pháp luật.

Chương V

KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT

Điều 21. Tổ chức, hội viên có nhiều thành tích được Hội khen thưởng hoặc đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền khen thưởng.

Điều 22. Tổ chức, hội viên làm tổn hại đến uy tín, thanh danh của Hội, làm trái với Điều lệ, Nghị quyết của Hội thì bị kỷ luật từ khiển trách, cảnh cáo đến khai trừ. Trường hợp có gây thiệt hại về vật chất, ngoài hình thức kỷ luật còn phải bồi thường theo pháp luật.

Điều 23. Các hội thành viên, cá nhân của Hội trong 1 năm không nộp Hội phí hoặc không sinh hoạt 3 kỳ liên tiếp không có lý do, thì bị xóa tên trong danh sách hội viên.

Điều 24. Ban chấp hành trung ương bầu ra một hội đồng khen thưởng và kỷ luật gồm 7 thành viên, trong đó 2 đến 3 thành viên là ủy viên Ban chấp hành; trong đó một trong những thành viên của Hội đồng phải là một được sĩ am hiểu pháp luật.

Điều 25. Hội đồng mỗi năm họp 2 lần để xem xét khen thưởng và xử lý các trường hợp vi phạm kỷ luật. Trường hợp đặc biệt Hội đồng có thể họp bất thường, việc họp bất thường do Ban thường vụ quy định.

Chương VI

TÀI CHÍNH CỦA HỘI

Điều 26. Khoản thu của Hội do các nguồn sau đây:

- Hội phí do hội viên đóng góp. Mức hội phí do Ban chấp hành Trung ương Hội quyết định hàng năm.
- Thu nhập do các hoạt động chuyên môn kỹ thuật của Hội.
- Đóng góp của các cá nhân và các chi hội, tỉnh hội, do các nguồn thu nhập từ hoạt động của Hội.
- Đóng góp của các tổ chức do Hội lập ra hoặc bảo trợ.
- Tiền và hiện vật của các cá nhân và tổ chức trong và ngoài nước ủng hộ Hội.

Điều 27. Khoản chi của Hội gồm:

- Tổ chức các sinh hoạt khoa học, hội nghị, hội thảo.
- In tài liệu thuộc công việc chung của Hội.
- Hỗ trợ việc nghiên cứu cho các tổ chức và các cá nhân đối với các đề tài khoa học có ý nghĩa chung đối với hoạt động của Hội.
- Hành chính phí: Trả lương và phụ cấp cho cán bộ chuyên trách và kiêm nhiệm. Trang bị cơ sở vật chất cho Văn phòng Trung ương Hội.
- Chi khen thưởng của Hội.

Điều 28. Các khoản thu và chi của Hội được thực hiện theo các nguyên tắc công khai theo quy định của Nhà nước.

Ban chấp hành Hội chịu trách nhiệm quản lý tài chính của Hội và quyết toán hàng năm theo quy định của Nhà nước.

Chương VII

HIỆU LỰC THI HÀNH

Điều 29. Sửa đổi và bổ sung Điều lệ.

Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này do đại hội toàn quốc của Hội Dục học Việt Nam thông qua và có hiệu lực khi được Bộ Nội vụ phê duyệt.

Điều 30. Hiệu lực thi hành.

Giao Ban chấp hành Trung ương chịu trách nhiệm hướng dẫn thi hành bản Điều lệ này.

Bản Điều lệ này gồm VII chương và 30 Điều đã được Đại hội toàn quốc Hội Dục học Việt Nam thông qua ngày 22 tháng 02 năm 2003, có hiệu lực khi được Bộ Nội vụ phê duyệt./.

QUYẾT ĐỊNH của Bộ trưởng Bộ Nội vụ số 27/2003/QĐ-BNV ngày 10/6/2003 về việc phê duyệt bản Điều lệ (sửa đổi) Hội Văn học - nghệ thuật các dân tộc thiểu số Việt Nam.

BỘ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ

Căn cứ Sắc lệnh số 102/SL-L004 ngày 20/5/1957 quy định về quyền lập Hội;

Căn cứ Nghị định số 86/2002/NĐ-CP ngày 05/11/2002 của Chính phủ về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ;

Căn cứ Nghị định số 45/2003/NĐ-CP ngày 09/5/2003 của Chính phủ quy định chức năng,